TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - H phúc

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26-02-2021
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Hoàng Phúc

2. Bà Đinh Thị H

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ , tỉnh B .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ , tỉnh B tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Tốt - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ , tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2021/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 01 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Cao Hoàng S, sinh năm 1989. Nơi cư trú: số 101 đường Bạch Đằng, khóm 5, phường 4, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị H, sinh năm 1987. Nơi cư trú: số 22 đường Z 30A, tổ 1, thôn 2A, xã Đông Hà, huyện Đ , tỉnh B .

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản khai và đơn xin xét xử vắng mặt cùng ngày 15/01/2021 đã được Văn phòng công chứng Nguyễn Châu tại TP. Sóc Trăng công chứng ngày 15/01/2021 có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Cao Hoàng S trình bày: Ông S và bà Trần Thị H tự nguyện kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Hà, huyện Đ , tỉnh B vào ngày 26/12/2016. Sau khi kết hôn, ông bà sống H phúc được 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên xúc phạm nhau. Nguyên nhân là do hai người không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Vì chung sống không thuận hòa nên ông bà đã sống ly thân hơn 01 năm nay, mỗi người sống một nơi, ông S thì sống tại tỉnh Sóc Trăng, còn bà H thì sống tại huyện Đ , tỉnh B . Nay ông S xác định tình trạng hôn nhân giữa ông và bà H thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Cao Hoàng Phúc, sinh ngày 02/5/2017. Từ khi sống ly thân đến nay, cháu Phúc do bà H nuôi dưỡng. Do đó khi ly hôn, ông S yêu cầu giao con cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng. Ông S đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Tòa án xét xử cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông S đề nghị được thăm nom con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/01/2021 có trong hồ sơ vụ án, bị đơn bà Trần Thị H khai: Thống nhất như trình bày của ông Cao Hoàng S về thời gian kết hôn, con chung, mâu thuẫn vợ chồng và thời gian sống ly thân. Bà H cho rằng, nguyên nhân chính dẫn đến vợ chồng sống không H phúc là do ông S thường xuyên cờ bạc, đánh số đề và có quan hệ bất chính với người phụ nữa khác. Nay bà H xác định không còn tình cảm với ông S nên đồng ý ly hôn. Về con chung: Bà H đồng ý nuôi con và đồng ý mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng mà ông S đề nghị. Ngoài ra, bà H không có bất kỳ yêu cầu gì khác. Cùng ngày bà H có đơn xin không hòa giải và xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ : Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử; Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và

nghĩa vụ của đương sự; Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn và bị đơn nhưng đã có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt họ là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Xét thấy hôn nhân giữa ông S và bà H đã thật sự nghiêm trọng, không hàn gắn được tình cảm nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S, xử cho ly hôn và giao con cho bà H nuôi dưỡng, đồng thời buộc ông S cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi là có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì TAND huyện Đ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở đơn khởi kiện của nguyên đơn, TAND huyện Đ đã xác định quan hệ "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" là đúng pháp luật.

Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án TANDTC công bố thì thấy rằng: nội dung tranh chấp của vụ án này không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong án lệ nên Hội đồng xét xử không áp dụng án lệ mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Về việc xét xử vắng mặt: Xét thấy tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nhưng đã có yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy ông S và bà H tự nguyện kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, do cuộc sống hôn nhân không H phúc nên ông S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà H. Căn cứ vào lời khai của các đương sự có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ năm 2018 đến nay, cuộc sống hôn nhân giữa ông S và bà H không còn H phúc, đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, xung đột. Hai người đã sống ly thân thời gian dài vẫn không hàn gắc được tình cảm. Hiện tại mỗi người sống một nơi, không còn thương yêu, quan tâm lẫn nhau. Bà H xác định không còn

tình cảm vợ chồng với ông S và mong muốn chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông S. Từ đó, có căn cứ xác định tình cảm vợ chồng giữa ông bà đã thật sự rạn nứt, mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không H phúc. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông S là có căn cứ pháp luật.

- Về con chung: Xét thấy giữa ông S và bà H đã thống nhất được với nhau về quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con Cao Hoàng Phúc. Do đó cần giao cháu Phúc cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, buộc ông S cấp dưỡng là phù hợp.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét trong bản án này.

[3] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, buộc ông S phải chịu án phí ly hôn và cấp dưỡng nuôi con là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 116 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Cao Hoàng S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố ông Cao Hoàng S ly hôn bà Trần Thị H.

2. Về con chung: Giao cho bà Trần Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con: Cao Hoàng Phúc, sinh ngày 02/5/2017. Buộc ông Cao Hoàng S phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho bà Trần Thị H mỗi tháng là 3.000.000 đồng; Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 26/02/2021 cho đến khi phát sinh điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay khi bản án được tuyên.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền mà ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng ông S còn phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

Ông S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Cao Hoàng S phải chịu 600.000 đồng án phí ly hôn và cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số No 0005180 ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ . Buộc ông S phải tiếp tục nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Ông S, bà H được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HÔI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh B ;
- VKSND huyện Đ ;
- Các đương sự;
- UBND xã Đông Hà;
- CC THADS huyện Đ ;
- Lưu HS, Án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Phước Hiệu